

**TOÀ AÙN NHAÂN DAÂN COÄNG HOÀ XÃ HOÀI CHUÛ NGHÓA
VIỆT NAM**

**THAØNH PHOÁ RAÏCH GIAÙ
TÆNH KIÊN GIANG**

Nõac laäp – Tõi do – Hainh phuüc

Baün aùn soá: 29/2019/HNGĐ-ST

Ngay: 26/06/2019

V/v: “ Tranh chấp xin ly hôn”.

**NHAÂN DANH
NÖÛC COÄNG HOÀ XÃ HOÀI CHUÛ NGHÓA VIỆT NAM
TOÀ AÙN NHAÂN DAÂN THAØNH PHOÁ RAÏCH GIAÙ**

Thaønh phaàn hoãi ñoàng xeùt xõu sô thaãm goàm coù:

- Thaãm phaàn - Chuû toïa phieân toà: Bà **Huỳnh Tất Ngọc Trân**

- Caùc hoãi thaãm nhaân dân: **1. Bà Trần Lệ Nga**

2. Ông Nguyễn Quốc Tiến

- Thõ kỳ phieân toà: Ông **Nguyễn Việt Bắc**.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Raich Giàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2018/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “**Xin ly hôn**”.

Theo quyết định của vụ án ra xét xử số: 23/2019/QNXX-ST, ngày 15 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự :

- **Nguyên đơn:** Ông H, sinh N 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Số 14/20 T, khu phố 3, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Bà N, sinh N 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 14/20 T, khu phố 3, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn và lời trình bày của nguyên đơn ông H trình bày:**

Ông H và bà N tự nguyện quen nhau vào N 1990 và được UBND phường Rạch Sỏi cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/7/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống tại địa chỉ số 14/20 Nguyễn Thiện Thuật, khu phố 3, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tuy nhiên thời gian gần đây giữa vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn chủ yếu là về kinh tế gia đình, bà N thường xuyên cờ bạc, gây ra nhiều khó khăn về kinh tế gia đình, từ đó ông bà thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Tại phiên tòa ông H cho rằng tình cảm vợ chồng giữa ông với bà N không còn, ông H yêu cầu xin ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông H xác định trong quá trình chung sống ông với bà N có 02 người con chung là D, sinh N 1990 và C, sinh N 1993 hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H xác định vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

***** Tại phiên tòa ông H xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà N ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

* Bị đơn bà N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, tuy nhiên bà N không có mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H.

Tại phiên tòa bà N vắng mặt

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tham tra tại phiên tòa, các đương sự tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, bị đơn bà N cư trú tại phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự N 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp xin ly hôn” là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa, ông H đồng ý xét xử vắng mặt bà N theo quy định pháp luật; do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà N.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Ông H và bà N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được UBND phường Rạch Sỏi cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/7/2017 căn cứ theo quy định tại Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình N 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn: Trong quá trình chung sống ông H và bà Bé N có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, bà Bé N thường xuyên cờ bạc, gây nhiều khó khăn trong cuộc sống cũng như kinh tế của gia đình, hai bên gia đình đã động viên, tuy nhiên ông bà vẫn không hàn gắn được, ông, bà cũng đã sống ly thân từ đầu N 2018 cho đến nay. Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà N, phía bà Bé N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, tuy nhiên bà N không có mặt và không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ vợ chồng pH dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, vợ chồng pH có nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên qua xem xét, đánh giá Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân của ông H và bà Bé N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà cũng đã sống ly thân thời gian dài, không hàn gắn tình cảm được, do đó Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, xử cho ông H được ly hôn với bà N.

[5] **Xét về con chung Hội đồng xét xử nhận định:** Ông H và bà N trong quá trình chung sống có 02 người con chung là Mạc Trùng Dương, sinh N 1990 và Mạc Trí Cường, sinh N 1993 hiện nay các con đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề con chung.

[6] **Về tài sản chung, nợ chung:** Ông H xác định vợ chồng trong quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng ông yêu cầu tự thỏa thuận với bà N về tài sản chung của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Do bà N không có lời khai tại Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nếu sau này bà Bé N có yêu cầu về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 bộ luật tố tụng dân sự N 2015 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông H pH chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự N 2015.

- Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình N 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà N.

- **Về con chung:** Không xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Ông H xác định vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Ông H xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Ông H pH chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí số 0004638 ngày 03/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên ông H không pH nộp thêm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/06/2019). Đương sự vắng mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

** Nơi nhận :*

- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND TP. Rạch Giá.
- Chi cục THA Dân sự TPRG
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Tất Ngọc Trân